BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA 25 ĐỢT 2 (2018-2020) PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC TRONG 12 THÁNG SAU KHI NHẬP HỌC VÌ TỐT NGHIỆP NGÀNH GẦN VỚI NGÀNH DỰ TUYỂN THẠC SĨ

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
1.	M1018010	Dương Kim Hảo	X	02/06/1996	Tiền Giang	Bảo vệ thực vật	Khoa học cây trồng	NS304 IPM trong BVTV 1
2.	M1018017	Giảng Thanh Nhường		18/06/1988	Vĩnh Long	Bảo vệ thực vật	Phát triển nông thôn	NN138 Hóa bảo vệ thực vật A NS304 IPM trong bảo vệ thực vật 1
3.	M1018019	Trần Ngọc Thanh		03/06/1985	Cần Thơ	Bảo vệ thực vật	Trồng trọt	NN138 Hóa bảo vệ thực vật A
4.	M0518012	Phạm Ngọc Cẩn		19/06/1983	Vĩnh Long	Công nghệ sinh học	Sinh học	CS102 Sinh học phân tử
5.	M0518016	Nguyễn Thị Thùy Dung	X	21/07/1991	Vĩnh Long	Công nghệ sinh học	Sư phạm sinh KTNN	CS102 Sinh học phân tử
6.	M0518017	Trần Thị Thúy Hằng	X	15/07/1987	Cần Thơ	Công nghệ sinh học	Sư phạm sinh vật	CS102 Sinh học phân tử
7.	M0518018	Bùi Lê Trung Hiếu		01/01/1989	An Giang	Công nghệ sinh học	Sư phạm sinh học	CS102 Sinh học phân tử
8.	M0518020	Huỳnh Ngọc Hơn	X	07/08/1990	Tiền Giang	Công nghệ sinh học	Sư phạm sinh KTNN	CS102 Sinh học phân tử
9.	M0518022	Dương Gia Linh	X	08/01/1996	Hậu Giang	Công nghệ sinh học	Sinh học ứng dụng	CS102 Sinh học phân tử
10.	M0518023	Trần Chí Linh		15/09/1994	Bến Tre	Công nghệ sinh học	Sinh học	CS102 Sinh học phân tử
11.	M0518025	Thạch Thị Bảo Ngọc	X	24/01/1990	Sóc Trăng	Công nghệ sinh học	Sư phạm sinh học	CS102 Sinh học phân tử
12.	M0518027	Lê Hửu Nhẫn		03/11/1996	An Giang	Công nghệ sinh học	Sinh học	CS102 Sinh học phân tử

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
13.	M0518028	Nguyễn Thị Thùy Nhiên	X	06/08/1996	Vĩnh Long	Công nghệ sinh học	Sư phạm sinh học	CS102 Sinh học phân tử
14.	M0518030	Phan Thị Phới	X	24/07/1995	Cà Mau	Công nghệ sinh học	Sư phạm sinh học	CS102 Sinh học phân tử
15.	M0518031	Nguyễn Hoài Thanh		25/05/1994	Cần Thơ	Công nghệ sinh học	Sư phạm sinh KTNN	CS102 Sinh học phân tử
16.	M0518032	Nguyễn Thị Thủy Tiên	X	31/08/1993	Bến Tre	Công nghệ sinh học	Sư phạm sinh học	CS102 Sinh học phân tử CS114 Sinh hóa CNSH
17.	M0518033	Cao Thị Mỹ Tiên	X	15/02/1995	Cần Thơ	Công nghệ sinh học	Sinh học	CS102 Sinh học phân tử
18.	M0518034	Nguyễn Thanh Tịnh		01/06/1994	Sóc Trăng	Công nghệ sinh học	Sinh học	CS102 Sinh học phân tử
19.	M0518037	Lê Phương Vy	X	21/06/1996	Cần Thơ	Công nghệ sinh học	Sinh học ứng dung	CS102 Sinh học phân tử
20.	M0518038	Nguyễn Bão Yến	X	13/09/1995	Cà Mau	Công nghệ sinh học	Sư phạm sinh học	CS102 Sinh học phân tử
21.	M0518039	Nguyễn Hồng Yến	X	13/09/1995	Cà Mau	Công nghệ sinh học	Sư phạm sinh học	CS102 Sinh học phân tử CS114 Sinh hóa CNSH
22.	M2218012	Nguyễn Thị Bạch Huệ	X	08/03/1988	Kiên Giang	Công nghệ thực phẩm	Chế biến thủy sản	NN179 Vi sinh thực phẩm NN211 Quản lý chất lượng và luật thực phẩm NN180 Nguyên lý bảo quản và chế biến thực phẩm
23.	M3118001	Tô Thị Mộng Diễm	X	04/02/1982	Trà Vinh	Hệ thống nông nghiệp (Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và Nông nghiệp nhiệt đới bền vững)	Kỹ thuật nông nghiệp	PD119 Phân tích an ninh lương thực PD217 Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
24.	M3118002	Nguyễn Trọng Dự		11/02/1986	Vĩnh Long	Hệ thống nông nghiệp (Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và Nông nghiệp nhiệt đới bền vững)	Lâm nghiệp	PD119 Phân tích an ninh lương thực PD217 Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp PD111 Phương pháp khuyến nông
25.	M3118004	Huỳnh Thị Kiều Loan	X	24/06/1996	Cần Thơ	Hệ thống nông nghiệp (Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và Nông nghiệp nhiệt đới bền vững)	Quản lý đất đai	PD119 Phân tích an ninh lương thực PD111 Phương pháp khuyến nông
26.	M3118005	Lê Tấn Lộc		15/08/1990	Cà Mau	Hệ thống nông nghiệp (Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và Nông nghiệp nhiệt đới bền vững)	Khoa học đất	PD119 Phân tích an ninh lương thực PD217 Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp PD111 Phương pháp khuyến nông
27.	M3118006	Trương Thị Ngọc	X	20/11/1995	Sóc Trăng	Hệ thống nông nghiệp (Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và Nông nghiệp nhiệt đới bền vững)	Khoa học đất	PD119 Phân tích an ninh lương thực PD217 Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp PD111 Phương pháp khuyến nông
28.	M3118008	Nguyễn Thị Minh Thư	X	18/07/1996	An Giang	Hệ thống nông nghiệp (Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và Nông nghiệp nhiệt đới bền vững)	Chăn nuôi	PD119 Phân tích an ninh lương thực PD217 Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp PD111 Phương pháp khuyến nông

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
29.	M3118010	Phù Quốc Toàn		01/01/1996	Kiên Giang	Hệ thống nông nghiệp (Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và Nông nghiệp nhiệt đới bền vững)	Quản lý đất đai	PD119 Phân tích an ninh lương thực PD111 Phương pháp khuyến nông
30.	M3118011	Nguyễn Hữu Trí		09/05/1988	Kiên Giang	Hệ thống nông nghiệp (Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và Nông nghiệp nhiệt đới bền vững)	Bảo vệ thực vật	PD119 Phân tích an ninh lương thực PD217 Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp PD111 Phương pháp khuyến nông
31.	M3118012	Trần Anh Trọng		08/03/1983	Cửu Long	Hệ thống nông nghiệp (Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và Nông nghiệp nhiệt đới bền vững)	Trồng trọt	PD119 Phân tích an ninh lương thực PD217 Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp
32.	M0918009	Quách Thị Thanh Nhàn	X	18/10/1984	Vĩnh Long	Hóa hữu cơ	Sư phạm hóa học	TN249 Hóa hữu cơ 2
33.	M0918012	Bùi Nguyệt Thanh	X	12/07/1994	An Giang	Hóa hữu cơ	Dược học	TN249 Hóa hữu cơ 2
34.	M2018016	Đặng Thị Ngọc Khuyến	X	25/05/1986	Cần Thơ	Hóa lý thuyết và hóa lý	Sư phạm hóa học	TN117 Hóa phân tích 2
35.	M2018017	Đinh Kha Lil		20/08/1993	Sóc Trăng	Hóa lý thuyết và hóa lý	Sư phạm hóa học	TN115 Hóa phân tích 1 TN117 Hóa phân tích 2
36.	M2018019	Nguyễn Thị Khả Vân	X	12/07/1983	Bình Định	Hóa lý thuyết và hóa lý	Sư phạm hóa học	TN117 Hóa phân tích 2
37.	M0118011	Phan Phạm Đức Huy		06/12/1996	Tiền Giang	Khoa học cây trồng	Nông học	NN369 Cây lúa

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
38.	M0118012	Hà Diệu Huỳnh	X	13/09/1995	Cần Thơ	Khoa học cây trồng	Công nghệ rau hoa quả cảnh quan	NN369 Cây lúa NN371 Cây rau
39.	M0118013	Trần Ngọc Sơn		20/05/1994	An Giang	Khoa học cây trồng	Công nghệ sinh học	NN369 Cây lúa NN371 Cây rau NN361 Cây ăn trái
40.	M0118018	Nguyễn Thị Bích Trân	X	20/10/1983	Vĩnh Long	Khoa học cây trồng	Nông học	NN371 Cây rau NN361 Cây ăn trái
41.	M0118019	Lê Văn Trận		24/04/1983	Hậu Giang	Khoa học cây trồng	Nông học	NN371 Cây rau NN361 Cây ăn trái
42.	M1318003	Trần Trung Hậu		20/04/1988	Cần Thơ	Kinh tế nông nghiệp	Kế toán	KT318 Kinh tế nông nghiệp KT304 Kinh tế sản xuất KT411 Phân tích chính sách nông nghiệp
43.	M1318004	Lê Hữu Hiếu		03/10/1988	Quảng Trị	Kinh tế nông nghiệp	Kế toán	KT318 Kinh tế nông nghiệp KT304 Kinh tế sản xuất KT411 Phân tích chính sách nông nghiệp
44.	M1318005	Dương Kim Huệ	X	22/02/1984	Thanh Hóa	Kinh tế nông nghiệp	Tài chính tín dụng	KT318 Kinh tế nông nghiệp KT304 Kinh tế sản xuất KT411 Phân tích chính sách nông nghiệp
45.	M1318006	Lê Tiền ý Nhi	X	06/10/1996	Kiên Giang	Kinh tế nông nghiệp	Phát triển nông thôn	KT318 Kinh tế nông nghiệp KT304 Kinh tế sản xuất KT411 Phân tích chính sách nông nghiệp
46.	M1318008	Phạm Nhã Trân	X	29/11/1994	Sóc Trăng	Kinh tế nông nghiệp	Tài chính ngân hàng	KT318 Kinh tế nông nghiệp KT304 Kinh tế sản xuất KT411 Phân tích chính sách nông nghiệp

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
47.	M4418004	Lê Thanh Hải		06/06/1989	Cần Thơ	Kỹ thuật điện	CN Kỹ thuật điện - điện tử	CN501 Máy điện 1
48.	M4418007	Trần Minh Khoa		12/06/1990	Cần Thơ	Kỹ thuật điện	CN Kỹ thuật điện - điện tử	CN501 Máy điện 1
49.	M4418009	Lê Tiền Phong		30/04/1981	Cần Thơ	Kỹ thuật điện	Điện tử	CN264 Hệ thống điện 1 CN265 Hệ thống điện 2
50.	M4418010	Nguyễn Thanh Tuấn		08/09/1978	Cần Thơ	Kỹ thuật điện	Kỹ thuật điện - điện tử	CN264 Hệ thống điện 1 CN265 Hệ thống điện 2
51.	M4418011	Trần Thanh Tùng		10/05/1989	Cần Thơ	Kỹ thuật điện	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	CN501 Máy điện 1
52.	M3518004	Lương Minh Quang		03/01/1993	Kiên Giang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật y sinh	CT382 PLC CT377 Lý thuyết điều khiển tự động
53.	M3518005	Lê Ngọc Quý		25/04/1983	Kiên Giang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điện khí hóa và cung cấp điện	CT382 PLC
54.	M3518006	Nguyễn Phúc Vĩnh Thanh		03/02/1986	Hậu Giang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Cơ khí	CT382 PLC CT378 Cảm biến và chuyển năng
55.	M3518007	Nguyễn Minh Đức		25/03/1976	Thanh Hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (KG)	CNKT điện, điện tử	CT378 Cảm biến và chuyển năng
56.	M3518010	Dương Hoàng Hiếu		19/07/1979	Kiên Giang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (KG)	Kỹ thuật điện - điện tử	CT382 PLC
57.	M3518013	Châu Đăng Khoa		02/02/1982	Kiên Giang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (KG)	Điện khí hóa và cung cấp điện	CT382 PLC

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
58.	M3518015	Huỳnh Ngọc Linh		31/01/1978	Kiên Giang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (KG)	Kỹ thuật điện - điện tử	CT382 PLC
59.	M3518016	Lâm Văn Linh		22/05/1979	Sóc Trăng	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (KG)	Điện tử	CT382 PLC CT378 Cảm biến và chuyển năng
60.	M3518017	Huỳnh Đức Lý		16/12/1984	Kiên Giang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (KG)	Điện khí hóa và cung cấp điện	CT382 PLC
61.	M3518020	Nguyễn Hữu Nhân		07/05/1982	Kiên Giang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (KG)	Sư phạm tin học	CT377 Lý thuyết điều khiển tự động CT382 PLC CT378 Cảm biến và chuyển năng
62.	M3518021	Trần Ngọc Nhi		15/03/1975	Kiên Giang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (KG)	Điện tử	CT382 PLC
63.	M3518022	Lê Thị Nhung	X	22/05/1985	Thanh Hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (KG)	Sư phạm kỹ thuật	CT378 Cảm biến và chuyển năng
64.	M3518023	Huỳnh Văn Pha		01/01/1987	Sóc Trăng	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (KG)	Điện - điện tử	CT382 PLC
65.	M3518024	Ngô Nghĩa Phát		02/05/1978	Kiên Giang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (KG)	Kỹ thuật điện - điện tử	CT382 PLC
66.	M3518025	Nguyễn Cơ Thạch		16/07/1984	Kiên Giang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (KG)	Điện khí hóa và cung cấp điện	CT382 PLC
67.	M3518027	Phạm Thành Trăm		18/10/1983	Kiên Giang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (KG)	Công nghệ thông tin	CT377 Lý thuyết điều khiển tự động CT382 PLC CT378 Cảm biến và chuyển năng

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
68.	M3518028	Tống Văn Trực		06/09/1988	Kiên Giang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (KG)	Kỹ thuật điện - điện tử	CT378 Cảm biến và chuyển năng
69.	M3518029	Đỗ Thanh Việt		25/08/1982	Kiên Giang	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (KG)	Kỹ thuật điện - điện tử	CT382 PLC
70.	M3518030	Đào Duy Việt		07/11/1974	Thanh Hóa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (KG)	Điện, điện tử	CT382 PLC
71.	M4218029	Lê Văn Lộc		/ /1986	Đồng Tháp	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	CN315 Thủy công CN124 Thủy lực công trình
72.	M4218036	Lê Hoàng Tú		/ /1987	Đồng Tháp	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Xây dựng công trình	CN315 Thủy công
73.	M4218037	Đoàn Trí Viễn		22/09/1985	Đồng Tháp	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Kỹ thuật xây dựng	CN315 Thủy công
74.	M0618018	Huỳnh Thị Trúc Ly	X	01/01/1988	Bến Tre	Nuôi trồng thủy sản	Quản lý nghề cá	TS111 Phương pháp nghiên cứu sinh học cá
75.	M2418010	Trương Minh Toàn		27/09/1989	Cần Thơ	Phát triển nông thôn	Trồng trọt	PD327 Kinh tế phát triển nông thôn PD121 Thống kê ứng dụng trong PTNT PD321 Phân tích chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị sản phẩm
76.	M2918009	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	X	29/08/1996	Cần Thơ	Quản lý tài nguyên và môi trường	Kỹ thuật tài nguyên nước	MT116 Thống kê phép thí nghiệm môi trường MT243 Quản lý chất lượng môi trường
77.	M2918010	Nguyễn Ngọc Duy		28/01/1996	Vĩnh Long	Quản lý tài nguyên và môi trường	Lâm sinh	MT116 Thống kê phép thí nghiệm môi trường MT243 Quản lý chất lượng môi trường

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
78.	M2918011	Trần Kim Hương	X	09/05/1995	An Giang	Quản lý tài nguyên và môi trường	Kỹ thuật tài nguyên nước	MT116 Thống kê phép thí nghiệm môi trường MT243 Quản lý chất lượng môi trường
79.	M2918013	Nguyễn Hiếu Nghĩa		23/06/1989	Đồng Tháp	Quản lý tài nguyên và môi trường	Khoa học môi trường	MT116 Thống kê phép thí nghiệm môi trường CN122 Bản đồ học và GIS
80.	M2918014	Nguyễn Lan Phương	X	04/02/1983	Hậu Giang	Quản lý tài nguyên và môi trường	Môi trường	MT116 Thống kê phép thí nghiệm môi trường
81.	M2918015	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	X	04/06/1994	Kiên Giang	Quản lý tài nguyên và môi trường	Khoa học môi trường	CN122 Bản đồ học và GIS
82.	M2918016	Nguyễn Quốc Tịnh		01/01/1995	Bạc Liêu	Quản lý tài nguyên và môi trường	Khoa học đất	MT116 Thống kê phép thí nghiệm môi trường MT243 Quản lý chất lượng môi trường
83.	M0418009	Lâm Hùng Khánh		15/01/1988	Sóc Trăng	Sinh thái học	Sư phạm sinh học	TN151 Sinh học phát triển
84.	M0418010	Phan Công Nguyên		04/04/1986	Hậu Giang	Sinh thái học	Sư phạm sinh vật	NN129 Sinh lý thực vật B SP414 Sinh lý động vật TN151 Sinh học phát triển
85.	M0418011	Ung Thanh Nhàn		19/01/1990	Sóc Trăng	Sinh thái học	Sư phạm sinh KTNN	TN151 Sinh học phát triển
86.	M0418012	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	X	11/06/1988	Bến Tre	Sinh thái học	Sư phạm sinh KTNN	TN151 Sinh học phát triển
87.	M0418013	Trần Hoàng Ty		06/04/1995	Cà Mau	Sinh thái học	Sư phạm sinh học	SP414 Sinh lý động vật
88.	M0418014	Nguyễn Thị Nhã ý	X	15/06/1995	Bến Tre	Sinh thái học	Sư phạm sinh học	SP414 Sinh lý động vật TN151 Sinh học phát triển
89.	M0318005	Diệp Thị Diễm My	X	01/04/1996	Đồng Tháp	Thú y	Chăn nuôi	NN119 Vi sinh thú y

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
90.	M0318007	Lê Nguyễn Nam Phương	X	02/12/1996	Sóc Trăng	Thú y	Chăn nuôi	NN119 Vi sinh thú y
91.	M0318008	Phan Đình Phi Phượng	X	15/10/1981	Tiền Giang	Thú y	Chăn nuôi	NN119 Vi sinh thú y
92.	M0318009	Nguyễn Tôn Sang		24/10/1995	An Giang	Thú y	Chăn nuôi	NN119 Vi sinh thú y
93.	M2318009	Trương Ngọc Duy	X	26/05/1993	Cà Mau	Văn học Việt Nam	Việt Nam học	XH565 Lý luận văn học 1 XH566 Lý luận văn học 2
94.	M0818009	Đỗ Văn Dương		25/06/1991	Bạc Liêu	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
95.	M0818010	Nguyễn Võ Anh Duy		19/12/1996	Tiền Giang	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
96.	M0818011	Nguyễn Kim Hân	X	29/10/1984	Vĩnh Long	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
97.	M0818012	Phạm Nguyễn Hữu Hạnh		17/02/1996	Cần Thơ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
98.	M0818013	Nguyễn Thái Lộc		29/02/1996	An Giang	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
99.	M0818014	Hồ Thị My	X	/ /1987	Long An	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý tin học	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
100.	M0818015	Phạm Ngọc Ngân	X	04/10/1996	Cà Mau	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
101.	M0818016	Phan Đặng Thảo Nguyên	X	17/11/1996	Cần Thơ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
102.	M0818017	Nguyễn Thị Pha	X	18/05/1985	Bến Tre	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý	Vật lý tính toán
103.	M0818018	Lâm Triều Phú		20/11/1996	Trà Vinh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
104.	M0818019	Huỳnh Tấn Tài		16/11/1992	Cần Thơ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán

TT	MSHV	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp ĐH	Học phần cần phải bổ sung kiến thức
105.	M0818020	Phan Hữu Thành		10/10/1982	An Giang	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý tin học	Vật lý tính toán
106.	M0818021	Trần Văn Thiện		06/02/1995	Lâm Đồng	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
107.	M0818022	Nguyễn Thu Thủy	X	10/10/1978	Cà Mau	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý tin học	Vật lý tính toán
108.	M0818023	Nguyễn Thanh Tùng		11/07/1985	Sóc Trăng	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý	Vật lý tính toán
109.	M0818024	Huỳnh Phương Uyên	X	12/02/1996	Sóc Trăng	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
110.	M0818025	Đặng Tường Vi	X	02/01/1996	Cần Thơ	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
111.	M0818026	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên	X	22/10/1994	Cà Mau	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý	Cơ học lý thuyết Vật lý tính toán
112.	M0818027	Ngô Hải Yến	X	27/12/1981	Sóc Trăng	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	Sư phạm vật lý	Vật lý tính toán

Danh sách có 112 học viên.

Cần Thơ ngày tháng năm 2018

HIỆU TRƯỞNG